GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG TRỊ SỰ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: **169** /QĐ-HĐTS

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 06 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
V/v chuẩn y thành phần nhân sự Ban Trị sự GHPGVN tỉnh An Giang Nhiệm kỳ I (2026 - 2031)

CHỦ TỊCH
HỘI ĐỒNG TRỊ SỰ GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

- *Căn cứ Hiến chương Giáo hội Phật giáo Việt Nam;*
- *Căn cứ Luật Tín ngưỡng, Tôn giáo;*
- *Căn cứ Công văn số 1264/SDTTG-TG ngày 09/6/2026 của Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh An Giang;*
- *Căn cứ Tờ trình số 122/TTr-BTS ngày 22/6/2026 của Ban Trị sự GHPGVN tỉnh An Giang về việc đề nghị chuẩn y thành phần nhân sự Ban Trị sự GHPGVN tỉnh An Giang nhiệm kỳ I (2026-2031).*

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Chuẩn y thành phần nhân sự Ban Trị sự GHPGVN tỉnh An Giang nhiệm kỳ I (2026-2031), gồm 13 thành viên Chứng minh Ban Trị sự; 07 thành viên Chứng minh Phân ban Ni giới; 105 thành viên Ban Trị sự *(Ban Thường trực 35 vị, Ủy viên 60 vị, Ủy viên dự khuyết 10 vị)* do Hòa thượng Thích Thiện Thông làm Trưởng ban. *(đính kèm danh sách)*

Điều 2: Tổng Thư ký Hội đồng Trị sự, Chánh Văn phòng 2 Trung ương GHPGVN, Trưởng Ban Trị sự GHPGVN tỉnh An Giang và các vị có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Điều 3: Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:
- Như điều 2;
- Bộ DTTG, Ban TGCP;
- UBND tỉnh An Giang;
- UBMTTQVN tỉnh An Giang;
- Sở DTTG tỉnh An Giang;
- PA02 CA tỉnh An Giang;
- Lưu: VP1, VP2.

TM. BAN THƯỜNG TRỰC
CHỦ TỊCH

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
BAN THƯỜNG TRỰC TRUNG ƯƠNG
HỘI ĐỒNG TRỊ SỰ

Hòa thượng Thích Thiện Nhơn

VĂN BẢN GHPGVN
Mã: VBGH-X-2026-0024
Số: 169/QĐ-HĐTS · 23/06/2026
Quét QR đối chiếu bản gốc

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG TRỊ SỰ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH
BAN TRỊ SỰ GHPGVN TỈNH AN GIANG
NHIỆM KỲ I (2026-2031)

(Theo Quyết định số: **169** /QĐ-HĐTS ngày 23/06/2026)

A. CHỨNG MINH BAN TRỊ SỰ: 13 vị.

1. Trưởng lão Hòa thượng Chau Ty
2. Hòa thượng Thích Huệ Tài
3. Hòa thượng Chau Sưng
4. Hòa thượng Thích Bửu Thành
5. Hòa thượng Thích Huyền Thông
6. Hòa thượng Thích Minh Nhuần
7. Hòa thượng Thích Thiện Hỷ
8. Hòa thượng Danh Đổng
9. Hòa thượng Thích Giác Minh
10. Hòa thượng Thích Giác Nghiêm
11. Hòa thượng Chau Cắt
12. Hòa thượng Danh Lân
13. Hòa thượng Thích Thiện Tài

B. CHỨNG MINH PHÂN BAN NI GIỚI: 07 vị.

1. Ni trưởng Thích nữ Như Hoa
2. Ni trưởng Thích nữ Hoa Liên
3. Ni trưởng Thích nữ Như Lý
4. Ni trưởng Thích nữ Như Định
5. Ni trưởng Thích nữ Như Thiện
6. Ni trưởng Thích nữ Như Quang
7. Ni trưởng Thích nữ Như Huệ

C. BAN TRỊ SỰ: 105 thành viên.

I. Ban Thường trực: 35 vị.

STT	PHÁP DANH/THẾ DANH	NĂM SINH	CHỨC VỤ
1	**HT. Thích Thiện Thống** (Nguyễn Văn Ninh)	1962	Trưởng ban Ban Trị sự Phụ trách Tăng sự
2	**HT. Suk Ma Nô** (Chau Sơn Hy)	1962	Phó Trưởng ban Ban Trị sự Phụ trách phái Thomadút Nikaya VP2 (An Giang cũ)
3	**HT. Phammaviriyo** (Danh Thiệp)	1961	Phó Trưởng ban Ban Trị sự Phụ trách phái MahaNikaya VP2 (An Giang cũ)
4	**HT. Canda Thero** (Lý Long Công Danh)	1962	Phó Trưởng ban Ban Trị sự Phụ trách phái MahaNikaya VP1 (Kiên Giang cũ)
5	**HT. Gen Thek Rô** (Chau Prốs)	1966	Phó Trưởng ban Ban Trị sự
6	**HT. Buddhasarano** (Danh Liêm)	1963	Phó Trưởng ban Ban Trị sự
7	**TT. Thích Minh Nhẫn** (Từ Thành Đạt)	1972	Phó Trưởng ban kiêm Chánh Thư ký Ban Trị sự Phụ trách VP1 (Kiên Giang cũ)
8	**TT. Thích Viên Quang** (Huỳnh Tuấn Dũng)	1978	Phó Trưởng ban Ban Trị sự Phụ trách VP2 (An Giang cũ)
9	**TT. Thích Giác Tín** (Nguyễn Hữu Trường)	1971	Phó Trưởng ban Ban Trị sự Phụ trách Hệ phái Khất sĩ
10	**TT. Thích Huệ Tâm** (Nguyễn Phước Thành)	1972	Phó Trưởng ban Ban Trị sự
11	**ĐĐ. Thích Viên Minh** (Nguyễn Minh Trí)	1984	Phó Chánh Thư ký kiêm Chánh Văn phòng Ban Trị sự
12	**ĐĐ. Dhamma Palo** (Danh Thuyền)	1995	Phó Chánh Thư ký
13	**ĐĐ. Thích Minh Thuận** (Lý Khánh Linh)	1998	Phó Chánh Thư ký Phụ trách VP1 kiêm TTTT
14	**TT. Thích Bửu Ngọc** (Phan Thanh Vân)	1980	Ủy viên Thường trực Phụ trách Giáo dục Phật giáo
15	**TT. Thích Huệ Thống** (Nguyễn Thanh Hồng)	1971	Ủy viên Thường trực Phụ trách Hoằng pháp và Hướng dẫn Phật tử
16	**TT. Thích Minh Tiến** (Phan Hữu Liêm)	1967	Ủy viên Thường trực Phụ trách Văn hóa và Nghi lễ

STT	PHÁP DANH/THẾ DANH	NĂM SINH	CHỨC VỤ
17	**TT. Chanh Đek Ko** (Châu Hùng)	1975	Ủy viên Thường trực Phụ trách Pháp chế và Kiểm soát
18	**ĐĐ. Thích Trí Dũng** (Võ Văn Thuận)	1976	Ủy viên Thường trực Phụ trách Từ thiện Xã hội và Kinh tế Tài chính
19	ĐĐ. Thích Tuệ Định (Ong Tý Thành)	1984	Ủy viên Thường trực Phụ trách Phật giáo quốc tế
20	**TT. Labhapunno** (Danh Phản)	1969	Ủy viên Thường trực
21	**TT. Thích Thiện Hỷ** (Đỗ Văn Tám)	1966	Ủy viên Thường trực
22	**TT. Thích Thường Tấn** (Phạm Hùng Dũng)	1962	Ủy viên Thường trực
23	**TT. Thích Thiện Viên** (Trần Văn Bé Chín)	1969	Ủy viên Thường trực
24	**TT. Sudohammacanno** (Danh Cảnh)	1972	Ủy viên Thường trực
25	**TT. Nathadhammo** (Danh Nâng)	1974	Ủy viên Thường trực
26	**TT. Thích Thiện Nhựt** (Nguyễn Văn Tùng)	1965	Ủy viên Thường trực
27	**TT. Thích Minh Thành** (Trần Văn Kiệt)	1972	Ủy viên Thường trực
28	**ĐĐ. Thích Pháp Trí** (Nguyễn Thanh Lâm)	1984	Ủy viên Thường trực
29	**ĐĐ. Thích Pháp Thiện** (Lý Dương Thuyên)	1976	Ủy viên Thường trực
30	**ĐĐ. Thích Thiện Định** (Trần Vũ Phương)	1984	Ủy viên Thường trực kiêm Thủ quỹ (VP2)
31	**ĐĐ. Thích Đạt Ma Đạt Tỉnh** (Dương Bá Hồng)	1984	Ủy viên Thường trực
32	**NS. Thích nữ Như Thơ** (Trần Thị Hớn)	1962	Ủy viên Thường trực
33	**NS. Thích nữ Như Mai** (Nguyễn Thị Hoài Mỹ)	1968	Ủy viên Thường trực
34	**NS. Thích nữ Nhu Liên** (Ngô Thị Thu Vân)	1963	Ủy viên Thường trực
35	**SC. Thích nữ Huệ Tánh** (Nguyễn Thị Anh Đào)	1980	Ủy viên Thường trực kiêm Thủ quỹ (VP1)

II. Ủy viên Ban Trị sự: 60 Vị

STT	PHÁP DANH/THẾ DANH	NĂM SINH	CHỨC VỤ
1	**HT. Thích Thiện Nghĩa** (Phạm Văn Cương)	1960	Ủy viên
2	**TT. Khenesanvaro** (Chau Rương)	1976	Ủy viên
3	**TT. Suk Vanh Phanh Nha** (Chau Pronh)	1965	Ủy viên
4	**TT. Ganadhammo** (Danh Cường)	1965	Ủy viên
5	**TT. Jiyasuddho** (Danh Chui)	1970	Ủy viên
6	**TT. Sang Khek Muni** (Chau Chhone)	1975	Ủy viên
7	**TT. Panh Nha Thắc No** (Chau Kim Sêng)	1976	Ủy viên
8	**TT. Chanh Tăk Thê Rô** (Chau Sóc Khol)	1977	Ủy viên
9	**TT. Suvannpanna** (Danh Quol)	1978	Ủy viên
10	**TT. Thích Thiện Căn** (Mai Văn Phan)	1960	Ủy viên
11	**TT. Thích Thiện Lợi** (Nguyễn Phú Lộc)	1965	Ủy viên
12	**TT. Thích Giác Thanh** (Huỳnh Thanh Phong)	1965	Ủy viên
13	**TT. Thích Vạn Đức** (Đinh Công Trịnh)	1965	Ủy viên
14	**TT. Thích Thiện Cửu** (Đỗ Văn Chính)	1968	Ủy viên
15	**TT. Thích Thiện Thành** (Phan Văn Thành)	1970	Ủy viên
16	**TT. Thích Thiện Nghĩa** (Nguyễn Thanh Tùng)	1970	Ủy viên
17	**TT. Thích Chơn Ngã** (Huỳnh Thanh Tiện)	1971	Ủy viên
18	**TT. Thích Thiện Giác** (Lâm Hồ Quân)	1972	Ủy viên
19	**TT. Thích Thiện Thành** (Trương Văn Thành)	1973	Ủy viên
20	**TT. Thích Minh Thân** (Đặng Thông Quang)	1974	Ủy viên

STT	PHÁP DANH/THẾ DANH	NĂM SINH	CHỨC VỤ
21	**TT. Thích Đạo Chấn** (Bùi Bá Hùng)	1974	Ủy viên
22	**ĐĐ. Pháp Hảo** (Đàm Hồng Phúc)	1975	Ủy viên
23	**ĐĐ. Sovann Pannha** (Đỗ Văn Ninh)	1975	Ủy viên
24	**ĐĐ. Yasayato** (Danh Hữu Giang)	1982	Ủy viên
25	**ĐĐ. Aggadhammo** (Danh Út)	1982	Ủy viên
26	**ĐĐ. Kittipanhô** (Chau Sóc Rinh)	1984	Ủy viên
27	**ĐĐ. Indapalito** (Danh Lâm)	1984	Ủy viên
28	**ĐĐ. Ên Tăc Chô Tô** (Chau Rươn)	1984	Ủy viên
29	**ĐĐ. Apamano** (Danh Minh)	1988	Ủy viên
30	**ĐĐ. Aggacitto** (Danh Tỷ)	1989	Ủy viên
31	**ĐĐ. Chret Ta Passonno** (Chau Sóc Quanh)	1990	Ủy viên
32	**ĐĐ. Thích Tuệ Giải** (Nguyễn Quốc Minh)	1960	Ủy viên
33	**ĐĐ. Thích Thiện Hiếu** (Thái Hồng Sơn)	1965	Ủy viên
34	**ĐĐ. Thích Thiện Thông** (Trần Minh Kiên)	1967	Ủy viên
35	**ĐĐ. Thích Phước Thiền** (La Sơn Tiền)	1972	Ủy viên
36	**TT. Thích Thiện Ninh** (Trịnh Thanh Sang)	1973	Ủy viên
37	**ĐĐ. Thích Minh Điền** (Đinh Nguyễn An Điền)	1975	Ủy viên
38	**ĐĐ. Thích Huệ Phước** (Nguyễn Văn Hậu)	1975	Ủy viên
39	**ĐĐ. Thích Minh Tâm** (Võ Thành Phong)	1975	Ủy viên
40	**ĐĐ. Thích Thiện Ngộ** (Trần Thanh Tú)	1976	Ủy viên

STT	PHÁP DANH/THẾ DANH	NĂM SINH	CHỨC VỤ
41	**ĐĐ. Thích Huệ Tâm** (Nguyễn Văn Bé)	1979	Ủy viên
42	**ĐĐ. Thích Tâm Đắc** (Hà Như Ý)	1981	Ủy viên
43	**ĐĐ. Thích Thiện Danh** (Giang Hưng Khôi)	1983	Ủy viên
44	**ĐĐ. Thích Thiện Tài** (Nguyễn Minh Vũ)	1984	Ủy viên
45	**ĐĐ. Thích Minh Kính** (Nguyễn Đăng Khoa)	1984	Ủy viên
46	**ĐĐ. Thích Minh Hội** (Lâm Chí Lĩnh)	1985	Ủy viên
47	**ĐĐ. Thích Tánh Đức** (Trần Bé Chín)	1985	Ủy viên
48	**ĐĐ. Thích Minh Hiếu** (Trần Phước Ân)	1985	Ủy viên
49	**ĐĐ. Thích Minh Hậu** (Lê Minh Hùng)	1985	Ủy viên
50	**ĐĐ. Thích Tâm Phúc** (Phạm Rô Buôl)	1985	Ủy viên
51	**ĐĐ. Thích Thiện Hải** (Trương Minh Chiến)	1988	Ủy viên
52	**ĐĐ. Thích Tuệ Tánh** (Nguyễn Quốc Khanh)	1989	Ủy viên
53	**ĐĐ. Thích Huệ Tài** (Lê Tấn Khuê)	1989	Ủy viên
54	**ĐĐ. Thích Tâm Thiền** (Thái Hồng Sinh)	1993	Ủy viên
55	**NS. Thích nữ Thể Liên** (Trương Thị Bĩ)	1962	Ủy viên
56	**NS. Thích nữ Huyền Thanh** (Phạm Thị Mỹ)	1962	Ủy viên
57	**NS. Thích nữ Phương Liên** (Nguyễn Thị Tuyết Phương)	1965	Ủy viên
58	**NS. Thích nữ Thoại Liên** (Đặng Thị Hoa)	1966	Ủy viên
59	**SC. Thích nữ Diệu Thuận** (Lê Thị Ngọc Tiên)	1987	Ủy viên
60	**Cư sĩ Thiện Quang** (Trần Văn Sang)	1980	Ủy viên

III. Ủy viên Dự khuyết: 10 vị

STT	PHÁP DANH/THẾ DANH	NĂM SINH	CHỨC VỤ
1	**ĐĐ. Chotespanhnho** (Danh Dung)	1977	Ủy viên dự khuyết
2	**ĐĐ. Dhamanando** (En Thunh)	1988	Ủy viên dự khuyết
3	**ĐĐ. Caranadhammo** (Chau Nhunh)	1990	Ủy viên dự khuyết
4	**ĐĐ. Nathamuni** (Danh Hoàng Nan)	1997	Ủy viên dự khuyết
5	**ĐĐ. Thích Lệ Bảo** (Từ Thái Bảo)	1985	Ủy viên dự khuyết
6	**ĐĐ. Thích Pháp Nhân** (Nguyễn Đức Minh)	1993	Ủy viên dự khuyết
7	**NT. Thích nữ Viên Liên** (Phạm Kim Loan)	1962	Ủy viên dự khuyết
8	**SC. Thích nữ Huệ Thiện** (Trần Thị Ngọc Diễm)	1972	Ủy viên dự khuyết
9	**NS. Thích nữ Huệ Trang** (Lâm Ngọc Thệ)	1977	Ủy viên dự khuyết
10	**SC. Thích nữ Như Liên** (Lê Thị Phượng Linh)	1982	Ủy viên dự khuyết

TM. BAN THƯỜNG TRỰC
CHỦ TỊCH

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
BAN THƯỜNG TRỰC TRUNG ƯƠNG
HỘI ĐỒNG TRỊ SỰ

Hòa thượng Thích Thiện Nhơn

VĂN BẢN GHPGVN
Mã: VBGH-X-2026-0024
Số: 169/QĐ-HĐTS · 23/06/2026
Quét QR đối chiếu bản gốc